Trường Đại học Xây dựng
Phòng Đào tạo

Mẫu in D1240

BẢNG ĐIỂM

Học Kỳ 2 - Năm Học 16-17

Môn học/Nhóm: **Đồ án kiến trúc dân dụng 7 (331631) - 59KD6** Số tín chỉ: 2

Ngày thi: **/ /** **Phòng thi**

STT	Mã SV	Họ và Tên		Lớp Q.Lý	ĐQT	ĐKT	Ghi chú
1	2107959	Hoàng Việt	An	59KD6	3	4.5	
2	2022059	Nguyễn Minh	Anh	59KD6	5.5	7	
3	2038659	Nguyễn Việt	Anh	59KD6	2.5	6.5	
4	2065459	Nguyễn Xuân	Chiến	59KD6	4.75	5	
5	2139958	Phạm Văn	Chỉnh	58KD4	3.5	5.3	
6	2102858	Vũ Công	Chức	58KD7	6	7	
7	2131859	Nguyễn Văn	Cường	59KD6	8	8	
8	2057959	Phí Mạnh	Cường	59KD6	7.75	8	
9	2076759	Trần Công	Danh	59KD6	0	v	
10	2021259	Duy Thanh	Doãn	59KD6	0	v	
11	2066958	Nguyễn Quang	Dương	58KD7	6	6.5	
12	2118359	Nguyễn Xuân	Đạt	59KD6	3	5	
13	2122859	Tiêu Bình	Định	59KD6	0	v	
14	2090759	Vũ Minh	Giang	59KD6	7.5	7.3	
15	2045359	Ngô Thu	Hà	59KD6	0	v	
16	2029758	Nguyễn Thế	Hải	58KD1	5	5	
17	2073959	Nguyễn Văn	Hải	59KD6	0	v	
18	2023259	Phạm Gia	Hiệp	59KD1	5.5	5	
19	2080359	Nguyễn Đức	Hiếu	59KD6	6	6.7	
20	2113659	Nguyễn Trọng	Hiếu	59KD6	3	5.8	
21	2073759	Trần Thị Ngọc	Huế	59KD6	7.25	7.5	
22	2034959	Hoàng Quốc	Huy	59KD6	6.25	7	
23	2062559	Đỗ Thị	Kiều	59KD6	4.75	6.5	
24	2004059	Lưu Vân	Kiều	59KD6	5	6	
25	2025359	Đặng Quang	Kình	59KD6	7.75	8	
26	2043459	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	59KD6	0	v	
27	2085859	Nguyễn Thành	Long	59KD6	0	v	
28	2077358	Trần Đức	Lợi	58KD4	5.5	6.5	
29	2117058	Vũ Văn	Lương	58KD7	8.25	8.5	
30	2104159	Trần Khánh	Ly	59KD6	6.5	6.5	
31	2116259	Trần Thị Khánh	Ly	59KD6	6.5	7	
32	2077459	Trần Thị Tuyết	Mai	59KD6	5	6	

33	2003259	Hoa Tấn	Minh	59KD6	7.5	8	
34	2071159	Đỗ Thị Diễm	My	59KD6	0	v	
35	2021159	Phạm	Nghĩa	59KD6	8	8	
36	2104459	Nguyễn Trung	Nhật	59KD6	7.25	8	
37	2013459	Vũ Trọng	Phúc	59KD6	5	5	
38	2106459	Phan Đình	Phương	59KD6	0	v	
39	2096959	Trần Minh	Phương	59KD6	0	v	
40	2102958	Nguyễn Thị	Phượng	58KD4	5	6	
41	2160958	Mai Thị	Quyên	58KD7	5	6	
42	2115959	Đỗ Xuân	Sơn	59KD6	7.25	7.3	
43	2038959	Phạm Ngọc	Sơn	59KD1	4.5	5	
44	2202458	Trần Bá	Sơn	58KD5	0	v	
45	2113259	Vũ Thị	Thoa	59KD6	7.5	7.5	
46	2074459	Lại Quang	Thùy	59KD6	5	6.5	
47	2081059	Nguyễn Văn	Thủy	59KD6	7	6.7	
48	2024359	Vũ Thu	Thủy	59KD6	0	v	
49	2147458	Đinh Thị Thùy	Trang	58KD4	5.25	6	
50	2195158	Nguyễn Như	Trường	58KD4	5.75	6	
51	2044759	Đỗ Minh	Tuấn	59KD6	2.5	5.5	
52	2078359	Nguyễn Ngọc	Tuấn	59KD6	6.75	6.5	
53	2065259	Quách Mạnh	Tuấn	59KD6	6.5	7	
54	2081359	Phạm Thanh	Tùng	59KD1	2	5.5	
55	2056959	Trần Văn	Tùng	59KD6	7.5	7.2	
56	2082958	Nguyễn Thị	Vân	58KD4	3.5	6	
57	2067359	Vũ Quang	Vinh	59KD6	4.5	5	
58	2009259	Nguyễn Thái	Vũ	59KD6	2.5	5	
59	2101159	Phạm Thị	Xuân	59KD6	7	7	

Ghi chú :

- Điểm quá trình (ĐQT)
- Điểm kết thúc (ĐKT)

(Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến 0.1)

Ngày ..... Tháng ..... Năm.....

Giảng viên đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)